TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiển
Các Hội thẩm nhân dân: ÔngHoàng Văn Thành
Ông Tô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2024/QĐ-ST ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị L, sinh ngày 10/02/1989 (vắng mặt)

Nơi thường trú: tổ dân phố V, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Hiện đang lao động tại Đài Loan).

Chị L ủy quyền cho chị Chu Thị P, sinh năm 1980; Địa chỉ: tổ dân phố K, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Kinh C, sinh ngày 28/3/1984 (vắng mặt)

Nơi thường trú: tổ dân phố V, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai (có xác nhận của Văn phòng K1 tại Đ ngày 16/11/2023), nguyên đơn chị Đoàn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chi, anh C được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K,

huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2019 vợ chồng cùng đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 10/2023 đến nay chị và anh C không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Kinh C.

Về con chung: Chị, anh C có 03 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 06/12/2007, Nguyễn Hải K, sinh ngày 07/01/2010, Nguyễn Thị Hải H, sinh ngày 26/12/2011. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh C. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao các con chung cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị đề nghị cấp dưỡng nuôi các con chung cho anh C với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu.

Về tài sản chung, công nợ: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L trình bày: Do chị bận công việc nên chị đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, lấy lời khai, hòa giải và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử. Chị ủy quyền cho chị Chu Thị P, sinh năm 1980; Địa chỉ: tổ dân phố K, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Kinh C trình bày: anh và chị L được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2019 anh, chị cùng sang Đài Loan lao động. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hoàn thuận nhưng được một thời gian anh bị gãy chân, anh chữa trị bên Đài Loan khi bệnh tình thuyên giảm anh về nước chữa trị và sinh sống. Quá trình chữa trị tại Đài Loan chị L là người chăm sóc, phụ giúp anh. Sau khi anh về nước vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng cách đây khoảng 01 năm vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Chị L không chủ động liên lạc nói chuyện với anh, anh cũng không chủ động hỏi thăm liên lạc chị L. Vừa qua chị L có về nước thăm gia đình nhưng chị L không về chung sống cùng anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn vì muốn các con có cả bố lẫn mẹ.

Về con chung: anh, chị L có 03 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 06/12/2007, Nguyễn Hải K, sinh ngày 07/01/2010, Nguyễn Thị Hải H, sinh ngày 26/12/2011. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao các con chung cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh đồng ý mức cấp dưỡng chị L đề nghị cấp dưỡng nuôi các con chung cho anh là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu.

Cháu Nguyễn Hải A, Nguyễn Hải K, Nguyễn Thị Hải H trình bày: Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng bố. Mẹ cháu hiện đang lao động nước ngoài, mẹ có gọi điện hỏi thăm tình học tập và sức khỏe các cháu. Quá trình chung sống các cháu được bố chăm sóc cẩn thận, chu đáo. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn sinh sống cùng bố.

Tại phiên tòa, chị Đoàn Thị L, anh Nguyễn Kinh C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị L; Biên bản lấy lời khai anh C, cháu Hải A, H, H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị L;

Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Kinh C

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 06/12/2007, Nguyễn Hải K, sinh ngày 07/01/2010, Nguyễn Thị Hải H, sinh ngày 26/12/2011 cho anh Nguyễn Kinh C là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Đoàn Thị L phải cấp dưỡng nuôi con 03 chung cùng anh Nguyễn Kinh C với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/01

tháng/01 cháu. Hình thức cấp dưỡng là hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2024.

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Đoàn Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Kinh C và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L hiện đang lao động tại Đài Loan có xác nhận của Văn phòng K1 tại Đ. Anh C là bị đơn có nơi thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do vụ án có nguyên đơn là chị L ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị L và anh Nguyễn Kinh C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh C phát sinh mâu thuẫn, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Kinh C.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L với anh C, Hội đồng xét xử thấy: Anh C, chị L được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân. Sau kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận một thời gian, năm 2019 anh C, chị L đi lao động Đài Loan, sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L khai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2023 đến nay. Tại biên bản ghi lời khai anh C trình bày từ khoảng 01 năm nay anh và chị L không còn liên lạc với nhau ai có cuộc sống riêng của người đó, anh, chị không chủ động gọi điện thoại hỏi thăm nhau, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì muốn các con có cả bố lẫn mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị L, anh C không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau một thời gian dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4]. Về con chung: Chị L và anh C có 03 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 06/12/2007, Nguyễn Hải K, sinh ngày 07/01/2010, Nguyễn Thị Hải H,

sinh ngày 26/12/2011. Hiện nay các con chung đều đang sinh sống cùng anh C. Sau khi ly hôn chị L đề nghị giao 03 con chung cho anh C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng anh C đồng ý, các con chung đều có nguyện vọng được ở cùng bố.

Xét yêu cầu giao ba con chung cho anh C nuôi sau ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Chị L hiện đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Các con chung từ khi chị L đi nước ngoài vẫn do anh C chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện vẫn đang sinh sống cùng anh C, các cháu phát triển ổn định cả về vật chất lẫn tinh thần. Mặt khác, các con chung trên 07 tuổi đều muốn sinh sống cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. chấp nhận yêu cầu của chị L về việc giao các ba chung cho anh C nuôi dưỡng sau ly hôn đến khi con chung đủ 18 là phù hợp điều kiện thực tế và nguyện vọng của các con chung cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Đoàn Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị Đoàn Thị L có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung, thời gian cấp dưỡng và hình thức cấp dưỡng: Chị L đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu. Anh C đồng ý mức cấp dưỡng này.

Xét đề nghị của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình quy định thì cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Do vậy, yêu cầu của chị L là có căn cứ.

Về mức cấp dưỡng theo quy định tại Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình quy định: "Các đương sự có quyền thỏa thuận về mức cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa quyết định nhưng không được thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi con". Như vậy, căn cứ vào quy định trên thì đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung của chị L là phù hợp, không trái quy định nên cần được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung cho anh C với mức cấp

dưỡng là 1.500.000 đông/01 tháng/01 cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6]. Về lãi suất chậm thi hành án: do vắng mặt chị L, anh C nên không thể thỏa thuận được. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự quyết định.

[7]. Về tài sản, công nợ: Do chị L, anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Chị Đoàn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Kinh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị L.

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Kinh C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 06/12/2007, Nguyễn Hải K, sinh ngày 07/01/2010, Nguyễn Thị Hải H, sinh ngày 26/12/2011 cho anh Nguyễn Kinh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Đoàn Thị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Đoàn Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi ba con chung là Nguyễn Hải A, Nguyễn Hải K, Nguyễn Thị Hải H cùng anh Nguyễn Kinh C với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/01 cháu. Phương thức cấp dưỡng theo tháng và thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2024 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001336 ngày 25/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đoàn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Kinh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án, Lưu THCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Hiển